

Đắk Lắk, ngày 12 tháng 5 năm 2025

LỊCH THI KIỂM TRA
NĂNG LỰC TIẾNG ANH TƯƠNG ĐƯƠNG TRÌNH ĐỘ BẬC 3 THEO
KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM

Ngày thi	Môn thi	Thời gian	Nội dung công việc	Hiệu lệnh
Sáng 18/5/2025		6 ^h 45	Cán bộ coi thi và các thành viên khác trong ban coi thi có mặt tại điểm.	
		7 ^h 00	Gọi thí sinh vào phòng thi.	2 hồi chuông
	ĐỌC	7 ^h 30	Cán bộ coi thi phát đề thi kỹ năng Đọc cho thí sinh	3 tiếng chuông
		7 ^h 35	Giờ bắt đầu làm bài	1 tiếng chuông
		8 ^h 05	Nhắc thí sinh còn 15 phút làm bài	
		8 ^h 20	Thu bài, nhắc lại giờ thi môn tiếp theo	1 tiếng chuông
	VIẾT	8 ^h 25	Cán bộ coi thi phát đề thi kỹ năng Viết cho thí sinh	3 tiếng chuông
		8 ^h 30	Giờ bắt đầu làm bài	1 tiếng chuông
		9 ^h 00	Nhắc thí sinh còn 15 phút làm bài	
		9 ^h 15	Thu bài, nhắc lại giờ thi môn tiếp theo	1 tiếng chuông
	NGHE	9 ^h 20	Cán bộ coi thi phát bài làm kỹ năng Nghe cho thí sinh	3 tiếng chuông
		9 ^h 25	Giờ bắt đầu làm bài	1 tiếng chuông
		9 ^h 55	Thu bài	1 tiếng chuông
Chiều 18/5/2025	NÓI	13 ^h 45	Cán bộ chấm thi vân đáp và các thành viên khác trong ban coi thi có mặt tại điểm.	
		14 ^h 00	Gọi thí sinh vào phòng thi.	2 hồi chuông
Tối 18/5/2025		16 ^h 30	Gọi thí sinh vào phòng thi.	2 hồi chuông

- Địa điểm thi: Nhà số 2, Trường Đại học Tây Nguyên.

DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ
KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 THEO KHUNG NĂNG
LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM (Ngày kiểm tra: 18/5/2025)

Phòng: 1

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Phái	Ghi chú
1	B001	21903007	H Ut	Adrong	28/10/2003	Nữ	
2	B002	21901653	H Thủy	Adrông	28/10/1976	Nữ	
3	B003	22903001	Nguyễn Hoàng Bảo	An	26/11/2004	Nữ	
4	B004	21410002	Phạm Văn Trường	An	19/10/2003	Nam	
5	B005	23403523	Phạm Phú	Ân	05/09/1995	Nam	
6	B006	23901501	Trịnh Huy	Ân	20/04/1976	Nam	
7	B007	22402001	Hoàng	Anh	04/09/2004	Nữ	
8	B008	21901655	Nguyễn Thị Lan	Anh	05/06/1992	Nữ	
9	B009	22402005	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	14/11/2004	Nữ	
10	B010	21903010	H' Ô Rian	Ayun	11/12/2003	Nữ	
11	B011	19601004	H Nheo	Ayũn	16/12/2000	Nữ	
12	B012	23104505	Y Phước	Ayũn	26/06/1978	Nam	
13	B013	23309501	Đỗ Phó	Bảng	20/11/1987	Nam	
14	B014	23403502	Lê Gia	Bảo	19/02/2001	Nam	
15	B015	20406163	Lê Kim Quốc	Bảo	21/01/2002	Nam	
16	B016	21404005	Phùng Việt Gia	Bảo	24/02/2003	Nam	
17	B017	21305217	Trương Gia	Bảo	20/04/2003	Nam	
18	B018	16404005	Hoàng	Bích	26/10/1998	Nữ	
19	B019	21413126	Nguyễn Phước	Bình	09/09/2003	Nam	
20	B020	21403503	Nguyễn Văn	Bình	23/03/1993	Nam	
21	B021	22903004	H Lịch	Bkông	20/04/2004	Nữ	
22	B022	23605501	Y Khương	Bkrông	01/03/1985	Nam	
23	B023	23903503	Điều Thị	Bré	20/06/1988	Nữ	
24	B024	20404030	H Nguôn	Byă	27/11/2002	Nữ	
25	B025	20404003	H Nhung	Byă	19/07/2001	Nữ	
26	B026	22401001	H Rina	Byă	10/06/2004	Nữ	
27	B027	23605502	Y Phên	Byă	07/03/1987	Nam	
28	B028	22903007	Triệu Thị	Châm	11/08/2003	Nữ	
29	B029	21305010	Đoàn Ngọc Hoàn	Châu	19/02/2003	Nữ	
30	B030	23102501	Lê Văn	Châu	18/11/1976	Nam	
31	B031	21102501	Nguyễn Thị	Châu	10/01/1980	Nữ	
32	B032	23903505	Đoàn Thị Hồng	Chi	28/07/1998	Nữ	
33	B033	21402214	Tổng Vũ Quỳnh	Chi	03/10/2003	Nữ	

Danh sách gồm 33 thí sinh.

DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ

KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM (Ngày kiểm tra: 18/5/2025)

Phòng: 2

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Phái	Ghi chú
1	B034	21305014	Đỗ Thị Thanh	Chúc	27/02/2002	Nữ	
2	B035	22406006	Nguyễn Thành	Chung	22/12/2004	Nữ	
3	B036	22406007	Nguyễn Thị Kim	Chung	17/12/2004	Nữ	
4	B037	21301501	Phạm Đức	Chung	10/05/1982	Nam	
5	B038	22605001	Siu	Công	02/01/2001	Nam	
6	B039	24901501	Nông Thị	Cười	10/12/1989	Nữ	
7	B040	21901663	Nguyễn Mạnh	Cường	03/07/1968	Nam	
8	B041	22404512	Tổng Quang	Cường	05/11/1986	Nam	
9	B042	24901502	Đồng Thị Ánh	Đào	20/03/1992	Nữ	
10	B043	22903088	Rah Lan H'	Dê	10/04/2004	Nữ	
11	B044	21411037	Phạm Thị Ngọc	Diễm	03/10/2003	Nữ	
12	B045	21901668	Phan Thị	Diễm	14/11/1972	Nữ	
13	B046	23301501	Đinh Ngọc	Diễn	27/11/1980	Nam	
14	B047	23309502	Nguyễn Thị	Diệu	07/05/1995	Nữ	
15	B048	22410104	Phan Thị Thiệu	Đoan	10/06/2004	Nữ	
16	B049	23403505	Nguyễn Thị Thu	Đông	26/12/2003	Nữ	
17	B050	20305150	Nguyễn Vũ Phương	Đông	16/07/2002	Nam	
18	B051	23403506	Trần Văn	Đông	24/05/1988	Nam	
19	B052	22412011	H Ri Na	Dsoai	28/07/2004	Nữ	
20	B053	22311506	Nguyễn Trần Ngọc	Du	18/12/1992	Nam	
21	B054	23311508	Huỳnh Văn	Đủ	22/03/1986	Nam	
22	B055	23104502	Đoàn Văn	Đức	15/10/1979	Nam	
23	B056	23311510	Nguyễn Quang	Đức	29/03/1999	Nam	
24	B057	22404515	Phan Văn	Đức	15/08/1999	Nam	
25	B058	23903510	Ka	Dung	05/08/1997	Nữ	
26	B059	22309005	Lê Thùy	Dung	19/10/2004	Nữ	
27	B060	21901664	Nguyễn Thị	Dung	26/02/1972	Nữ	
28	B061	21101088	Nguyễn Vũ Phương	Dung	24/09/2003	Nữ	
29	B062	20307057	Phan Thị Thùy	Dung	30/09/2002	Nữ	
30	B063	22404513	Huỳnh Tiên	Dũng	20/05/1988	Nam	
31	B064	23605508	Đoàn Việt	Dương	10/05/1984	Nam	
32	B065	22404514	Lê Công	Dương	02/05/1984	Nam	
33	B066	22311510	Lê Đình	Dương	26/10/1993	Nam	

Danh sách gồm 33 thí sinh.

DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ

KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM (Ngày kiểm tra: 18/5/2025)

Phòng: 3

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Phái	Ghi chú
1	B067	21901667	Phan Anh	Dương	27/05/1975	Nam	
2	B068	21103011	Châu Lê	Duy	26/12/2002	Nam	
3	B069	20305146	Hà Khánh	Duy	28/04/2002	Nam	
4	B070	24103015	Nguyễn Trần Khánh	Duy	22/03/2001	Nam	
5	B071	22901009	Bùi Thị	Duyên	25/03/2004	Nữ	
6	B072	23903512	Ka	Duyên	14/08/1996	Nữ	
7	B073	23901503	Lâm Thị Thiện	Duyên	10/02/1993	Nữ	
8	B074	23311503	Nguyễn Thị Thùy	Duyên	13/09/1995	Nữ	
9	B075	22903013	H' Loan	Êban	26/12/2004	Nữ	
10	B076	23102502	Y Tâm	Êban	20/11/1980	Nam	
11	B077	17410126	Y Truyền	Êban	27/09/1999	Nam	
12	B078	23903514	Touneh La Bouye Nai	Êliam	17/04/1985	Nữ	
13	B079	22412015	Phạm Khánh	Giang	13/01/2004	Nữ	
14	B080	22903018	Vi Thị Hương	Giang	13/10/2004	Nữ	
15	B081	21601505	Võ Tấn	Giang	22/06/1975	Nam	
16	B082	21901670	Lê Thị Mỹ	Hà	05/08/1972	Nữ	
17	B083	23601507	Lê Văn	Hà	10/10/1985	Nam	
18	B084	22903020	Nguyễn Thị Thu	Hà	04/10/2004	Nữ	
19	B085	22403030	Nguyễn Thị Thu	Hà	03/03/2004	Nữ	
20	B086	22403032	Phạm Thị Ngân	Hà	02/12/2004	Nữ	
21	B087	21901541	Phạm Thị Ngọc	Hà	25/01/1977	Nữ	
22	B088	22311516	Quách Thị Thu	Hà	05/05/1996	Nữ	
23	B089	23601501	Bùi Xuân	Hải	02/04/1977	Nam	
24	B090	23903567	Đào Thị	Hải	01/03/1992	Nữ	
25	B091	23301502	Lê Quý	Hải	02/02/1980	Nam	
26	B092	20307271	R'ô Yo	Han	16/03/2001	Nam	
27	B093	20403035	Nguyễn Thị	Hăng	16/06/2002	Nữ	
28	B094	23403508	Phạm Thị Thanh	Hăng	25/09/1996	Nữ	
29	B095	22309007	Phùng Thị Thu	Hăng	10/08/2003	Nữ	
30	B096	23311511	Hồ Thị Mỹ	Hạnh	26/01/1998	Nữ	
31	B097	23903516	Nguyễn Thị	Hạnh	22/06/1994	Nữ	
32	B098	20307272	Ma	Hào	08/05/2001	Nữ	
33	B099	20305152	Phạm Thị	Hào	06/11/2002	Nữ	

Danh sách gồm 33 thí sinh.

DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ
KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 THEO KHUNG NĂNG
LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM (Ngày kiểm tra: 18/5/2025)

Phòng: 4

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Phái	Ghi chú
1	B100	21306519	Hà Văn	Hậu	03/10/1990	Nam	
2	B101	23901506	Huỳnh Thị	Hậu	04/09/1973	Nữ	
3	B102	20307275	Ka'	Hậu	13/03/2001	Nữ	
4	B103	21901676	Phan Trần	Hậu	23/02/1971	Nam	
5	B104	21901543	Trần Thị	Hậu	10/01/1977	Nữ	
6	B105	23903518	Ka	Hen	20/07/1996	Nữ	
7	B106	22903023	H'	Hiền	17/08/2002	Nữ	
8	B107	23309505	Lê Thị	Hiền	14/05/1995	Nữ	
9	B108	21410034	Nguyễn Đình	Hiệp	14/02/2003	Nam	
10	B109	23901508	Nguyễn Thị	Hiệp	06/10/1979	Nữ	
11	B110	21601039	Hoàng Thị	Hiếu	09/05/2003	Nữ	
12	B111	21104036	Huỳnh Ngọc Minh	Hiếu	27/11/2003	Nữ	
13	B112	21103028	Phạm Trung	Hiếu	10/08/2003	Nam	
14	B113	20305033	Trần Trung	Hiếu	22/02/2002	Nam	
15	B114	22903090	H' Oanh	Hmok	07/07/2004	Nữ	
16	B115	23311514	Trịnh Thị	Hoa	06/04/1990	Nữ	
17	B116	21403206	Hồ Mỹ	Hòa	23/11/2003	Nữ	
18	B117	21605510	Lê Thanh	Hòa	27/06/1989	Nam	
19	B118	20309510	Thái Quốc	Hòa	10/10/1991	Nam	
20	B119	21305232	Trần Công	Hòa	31/08/2003	Nam	
21	B120	21901679	Trần Thị Mỹ	Hòa	06/06/1978	Nữ	
22	B121	19307302	Nông Xuân	Hoài	18/12/2000	Nam	
23	B122	23311515	Nguyễn	Hoàng	09/12/1983	Nam	
24	B123	21305233	Nguyễn Văn	Hoàng	12/10/2003	Nam	
25	B124	23901510	Đặng Thị Bích	Hồng	12/11/1979	Nữ	
26	B125	21104039	Đỗ Đình	Hồng	17/01/2003	Nam	
27	B126	22403042	Lê Thị	Hồng	15/08/2004	Nữ	
28	B127	23901511	Nguyễn Thị Khánh	Hồng	05/12/1977	Nữ	
29	B128	21901681	Nguyễn Thị	Huê	27/10/1975	Nữ	
30	B129	21901682	Hoàng Thị	Huê	02/12/1973	Nữ	
31	B130	22903027	Nay H'	Huế	29/02/2004	Nữ	
32	B131	23403509	Trần Thị Kim	Huệ	22/11/1996	Nữ	
33	B132	22311521	Hoàng Văn	Hùng	06/03/1984	Nam	

Danh sách gồm 33 thí sinh.

DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ

KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 THEO KHUNG NĂNG
LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM (Ngày kiểm tra: 18/5/2025)

Phòng: 5

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Phái	Ghi chú
1	B133	21605503	Nguyễn Đắc	Hùng	14/09/1980	Nam	
2	B134	21901683	Trần Văn	Hùng	20/01/1969	Nam	
3	B135	20903039	Nay H'	Hương	20/06/2000	Nữ	
4	B136	21901686	Nguyễn Tiên	Hương	02/07/1977	Nam	
5	B137	21601501	Nông Thị Lan	Hương	20/07/1983	Nữ	
6	B138	21901687	Phạm Thị Lan	Hương	22/11/1975	Nữ	
7	B139	21103158	Trần Công	Hương	20/10/2002	Nam	
8	B140	21901688	Trần Thị	Hương	03/10/1975	Nữ	
9	B141	20305264	Nguyễn Hồng Hoàng	Huy	31/10/2002	Nam	
10	B142	21410038	Nguyễn Việt Quốc	Huy	01/05/2003	Nam	
11	B143	23403524	Phạm Ngọc	Huy	14/02/1992	Nam	
12	B144	23311516	Phan Quốc	Huy	16/04/1996	Nam	
13	B145	23309506	Hồ Thị Thu	Huyền	12/03/1991	Nữ	
14	B146	22901508	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	05/08/1994	Nữ	
15	B147	23901512	Trần Thị	Huyền	13/03/1975	Nữ	
16	B148	23903519	Ka	Huỳnh	14/06/1990	Nữ	
17	B149	22903029	H' Hương	Ja	16/06/2004	Nữ	
18	B150	20305046	Y Đa Wit	Kbuôr	08/12/2001	Nam	
19	B151	22103029	Nguyễn Văn	Kết	04/10/2004	Nam	
20	B152	23903520	Nguyễn Thị	Khanh	08/06/1995	Nữ	
21	B153	23403525	Nguyễn Kim	Khánh	29/12/1995	Nữ	
22	B154	23311517	Trần Văn	Khánh	19/08/1990	Nam	
23	B155	22403047	Trần Nguyễn Thu	Khoa	02/01/2004	Nữ	
24	B156	21305242	Vương Tiên	Khởi	14/01/2002	Nam	
25	B157	22903031	Rah Lan H' Minh	Khuê	10/02/2003	Nữ	
26	B158	23903521	Lương Thị Kim	Khuyên	13/01/1988	Nữ	
27	B159	23903522	Ma	Khuyên	18/09/1988	Nữ	
28	B160	23311518	Nguyễn Quang	Kiên	26/01/1996	Nam	
29	B161	24605502	Hồ Văn	Kiều	01/10/1982	Nam	
30	B162	21410044	Đinh Trần	Kim	08/07/2003	Nam	
31	B163	22601501	H Trem	Knul	01/02/1982	Nữ	
32	B164	21901690	H Thê Rê Sa	Ksor	10/03/1976	Nữ	
33	B165	18307442	H You	Ktla	03/09/1999	Nữ	

Danh sách gồm 33 thí sinh.

DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ

KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM (Ngày kiểm tra: 18/5/2025)

Phòng: 6

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Phái	Ghi chú
1	B166	21102502	Y Thông	Kuan	12/06/1980	Nam	
2	B167	22901509	Trần Xuân	Kỳ	23/04/1966	Nam	
3	B168	21901693	Trần Xuân	Là	05/07/1974	Nam	
4	B169	21901691	Nguyễn Thị	Lam	09/05/1974	Nữ	
5	B170	21901695	Mlô Niê Y	Lâm	16/01/1989	Nam	
6	B171	23901516	Lê Thị	Lan	28/04/1978	Nữ	
7	B172	21901692	Trần Thị	Lan	04/10/1974	Nữ	
8	B173	21901696	Trần Thị	Lân	04/10/1974	Nữ	
9	B174	22104505	Nguyễn Đức	Lăng	29/06/1980	Nam	
10	B175	22402046	Phạm Thị Ngọc	Lanh	17/01/2004	Nữ	
11	B176	21901694	Phan Thị Bảo	Lành	10/04/1974	Nữ	
12	B177	20305051	Trương Thiết	Lập	05/10/2002	Nam	
13	B178	23903525	Đoàn Thị	Liên	08/02/1987	Nữ	
14	B179	23311550	Huỳnh Thị Kim	Liên	04/02/1988	Nữ	
15	B180	21901697	Bùi Thị	Linh	02/06/1970	Nữ	
16	B181	21406051	Bùi Thị Mỹ	Linh	06/11/2003	Nữ	
17	B182	22901024	Cao Hà Khánh	Linh	02/03/2004	Nữ	
18	B183	22402052	Đỗ Thị Nhã	Linh	10/01/2004	Nữ	
19	B184	22412026	Nguyễn Thị	Linh	25/07/2004	Nữ	
20	B185	22412027	Nguyễn Thị	Linh	01/09/2004	Nữ	
21	B186	21601506	Nguyễn Văn	Linh	01/05/1971	Nam	
22	B187	22901025	Phan Thùy	Linh	26/09/2004	Nữ	
23	B188	22901026	Trần Hoàng Thùy	Linh	18/09/2004	Nữ	
24	B189	21601503	Đinh Thị	Loan	10/02/1991	Nữ	
25	B190	21901700	Hoàng Thị	Loan	10/07/1978	Nữ	
26	B191	23903540	Nguyễn Thị	Loan	07/02/1970	Nữ	
27	B192	22402057	Nguyễn Thị Bích	Loan	18/05/2003	Nữ	
28	B193	23903528	Vũ Thị Hồng	Loan	03/10/1998	Nữ	
29	B194	23309509	Rah Lan	Loết	20/01/2001	Nữ	
30	B195	20903527	Y	Lót	11/03/1995	Nữ	
31	B196	22311533	Cao Chiến	Lực	25/07/1992	Nam	
32	B197	23311553	Thân Thị Kiều	Lựu	26/11/1988	Nữ	
33	B198	23601502	Bùi Thị Cam	Ly	23/08/1993	Nữ	

Danh sách gồm 33 thí sinh.

DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ

KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM (Ngày kiểm tra: 18/5/2025)

Phòng: 7

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Phái	Ghi chú
1	B199	22903036	Nay H'	Ly	29/08/2004	Nữ	
2	B200	23311522	Cao Thị	Lý	23/01/1985	Nữ	
3	B201	23311551	Nguyễn Thị Như	Lý	08/01/1995	Nữ	
4	B202	23901518	Hồ Thị	Mai	18/07/1983	Nữ	
5	B203	21305083	Lâm Thị	Mai	27/05/2003	Nữ	
6	B204	22412030	Lê Thị Thanh	Mai	23/12/2003	Nữ	
7	B205	22901027	Nguyễn Thị	Mai	02/04/2004	Nữ	
8	B206	23311523	Nguyễn Thị Phương	Mai	02/03/1996	Nữ	
9	B207	22402064	Phạm Thị Hồng	Mai	10/10/2004	Nữ	
10	B208	21605514	Tào Văn	Mai	26/03/1985	Nam	
11	B209	24605504	Đỗ Thanh	Mạnh	02/12/1991	Nam	
12	B210	21901702	Phạm Thị	Mến	14/10/1977	Nữ	
13	B211	21605065	Ksor	Mika	02/03/2003	Nam	
14	B212	21901704	Lê Hữu	Minh	22/10/1969	Nam	
15	B213	21411038	Thân Đức	Minh	26/04/2003	Nam	
16	B214	20404014	H Lanh	Mlô	19/02/2001	Nữ	
17	B215	23101504	Y Kiệt	Mlô	28/09/1983	Nam	
18	B216	21901706	Y Phên	Mlô	27/03/1975	Nam	
19	B217	22903041	Lê Trà	My	24/09/2004	Nữ	
20	B218	24901507	Nguyễn Thị Diễm	My	20/11/1992	Nữ	
21	B219	22901028	Phạm Thị Trà	My	13/11/2004	Nữ	
22	B220	22311534	Lê Thị Thùy	Mỹ	12/11/1988	Nữ	
23	B221	23903530	Lơ Mu Tê	Na	10/06/1976	Nữ	
24	B222	21103164	Lê Hoàng	Nam	19/10/2003	Nam	
25	B223	21411035	Lưu Thanh	Nam	20/05/2003	Nam	
26	B224	21901707	Nguyễn Thị	Nam	30/03/1970	Nữ	
27	B225	21103067	Woen Ksor	Nay	25/02/2001	Nam	
28	B226	22903044	H Blem	Ndu	31/01/2003	Nữ	
29	B227	23601503	Hoàng Thị	Nga	10/07/1977	Nữ	
30	B228	23903531	Lê Thị Hằng	Nga	16/03/1993	Nữ	
31	B229	22601502	Mai Thị	Nga	07/03/1979	Nữ	
32	B230	23403512	Phạm Thị	Nga	10/05/2000	Nữ	
33	B231	17403062	Phạm Thị Thúy	Nga	14/02/1998	Nữ	

Danh sách gồm 33 thí sinh.

DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ

KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM (Ngày kiểm tra: 18/5/2025)

Phòng: 8

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Phái	Ghi chú
1	B232	19307317	Đinh Thị Kim	Ngân	12/09/2000	Nữ	
2	B233	21403080	Hứa Vũ	Ngân	07/03/2003	Nữ	
3	B234	23311554	Lê Thị	Ngân	15/08/1988	Nữ	
4	B235	23903532	Nguyễn Thị Kim	Ngân	24/09/1994	Nữ	
5	B236	22601503	Nguyễn Văn	Ngân	08/07/1981	Nam	
6	B237	21304009	Trần Thị	Ngân	10/01/2002	Nữ	
7	B238	20305221	Võ Thị	Ngân	26/03/2002	Nữ	
8	B239	21601071	Hồ Quang	Nghĩa	17/07/2003	Nam	
9	B240	22903045	H-	Nghiêu	22/03/2004	Nữ	
10	B241	21404050	Đỗ Thị Hồng	Ngọc	20/01/2003	Nữ	
11	B242	22903046	Phạm Thị Bích	Ngọc	18/12/2004	Nữ	
12	B243	21103167	Ngô Hữu	Nguyên	15/06/2002	Nam	
13	B244	21305105	Văn Xuân	Nguyên	18/05/2003	Nam	
14	B245	23901519	Hà Thị Thanh	Nhàn	12/02/1975	Nữ	
15	B246	21103169	Nguyễn Đình	Nhất	07/11/2003	Nam	
16	B247	21404056	Nguyễn Ngọc	Nhật	19/02/2002	Nam	
17	B248	21103170	Thân Thái	Nhật	01/12/2003	Nam	
18	B249	20103135	Trần Hoàng Minh	Nhật	25/01/2002	Nam	
19	B250	22301006	Bùi Thị Yên	Nhi	23/10/2004	Nữ	
20	B251	23311524	Cao Trương Linh	Nhi	07/09/1998	Nữ	
21	B252	23903533	Hà Kiều	Nhi	02/09/1996	Nữ	
22	B253	23903534	Ka	Nhìn	18/10/1985	Nữ	
23	B254	23601508	Lê Thị Hồng	Nhung	05/02/1999	Nữ	
24	B255	23309512	Ngô Thị	Nhung	20/03/1991	Nữ	
25	B256	23903535	Ka	Nhụy	19/02/1988	Nữ	
26	B257	23903536	Mạ	Nhụy	01/03/1995	Nữ	
27	B258	20903580	H' Nôn	Niê	22/04/1989	Nữ	
28	B259	21411023	H Ruên	Niê	24/02/2003	Nữ	
29	B260	22903058	H' Trâm	Niê	03/09/2004	Nữ	
30	B261	22901502	H Trang	Niê	11/06/1990	Nữ	
31	B262	21605516	Y Luật	Niê	18/11/1992	Nam	
32	B263	21901712	Y Nghiệp	Niê	10/10/1991	Nam	
33	B264	21901713	Phạm Thị	Nụ	12/07/1970	Nữ	

Danh sách gồm 33 thí sinh.

DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ

KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 THEO KHUNG NĂNG
LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM (Ngày kiểm tra: 18/5/2025)

Phòng: 9

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Phái	Ghi chú
1	B265	21901714	Bùi Thị Kim	Oanh	01/10/1972	Nữ	
2	B266	23903571	Hồ Thị Kiều	Oanh	26/04/1995	Nữ	
3	B267	21901715	Vũ Thị Kim	Oanh	16/09/1984	Nữ	
4	B268	21901716	Nguyễn Xuân	Phan	17/06/1973	Nam	
5	B269	21103172	Trần Đình	Phát	17/06/2003	Nam	
6	B270	23903537	Njàn	Phim	13/03/1992	Nữ	
7	B271	22412041	Nguyễn Hồng	Phúc	03/10/2004	Nữ	
8	B272	23309513	Nguyễn Thị	Phúc	07/01/1993	Nữ	
9	B273	20307171	Nguyễn Văn	Phúc	30/04/2002	Nam	
10	B274	23311557	Đỗ Thị Minh	Phương	20/05/2000	Nữ	
11	B275	22412042	Dương Hoàng Kim	Phương	27/10/2004	Nữ	
12	B276	21305121	Phạm Thị	Phương	01/10/2003	Nữ	
13	B277	24605505	Đặng Thị Bích	Phượng	14/05/1983	Nữ	
14	B278	21404057	Nguyễn Ngọc	Quang	08/09/2003	Nam	
15	B279	21104502	Võ Xuân	Quát	04/02/1973	Nam	
16	B280	20309528	Nguyễn Như	Quý	21/01/1993	Nam	
17	B281	19307204	Lê Văn	Quốc	03/06/2000	Nam	
18	B282	21305266	Ngô Thị Phú	Quý	21/12/2003	Nữ	
19	B283	23311529	Phạm Thị Ánh	Quyên	21/03/1991	Nữ	
20	B284	20305086	Lưu Thị Như	Quỳnh	06/03/2002	Nữ	
21	B285	21103184	Hồ Việt	Sang	30/03/2003	Nam	
22	B286	23605510	Lương Công	Sang	16/10/1985	Nam	
23	B287	22311546	Nguyễn Thị	Sang	01/11/1989	Nữ	
24	B288	21901574	Ngô Thị	Sim	09/09/1975	Nữ	
25	B289	22903066	H Pen	Sô	01/05/2004	Nữ	
26	B290	21605068	Siu	Sói	05/01/2002	Nam	
27	B291	23403522	Hoàng Trường	Son	09/01/1988	Nam	
28	B292	18302028	Nguyễn Văn Trường	Son	06/01/1999	Nam	
29	B293	23403516	Trần Anh	Son	10/07/1991	Nam	
30	B294	23102505	Vũ Văn	Son	02/03/1978	Nam	
31	B295	23903545	Nguyễn Thị My	Sương	20/09/1995	Nữ	
32	B296	23311558	Bùi Trọng Quốc	Tài	09/01/1998	Nam	
33	B297	22309032	Hồ Thị Thanh	Tâm	22/06/2004	Nữ	

Danh sách gồm 33 thí sinh.

DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ
KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 THEO KHUNG NĂNG
LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM (Ngày kiểm tra: 18/5/2025)

Phòng: 10

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Phái	Ghi chú
1	B298	22304010	Nguyễn Hữu	Thái	12/12/2004	Nam	
2	B299	23403518	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	27/01/1991	Nữ	
3	B300	23309517	Nguyễn Tất	Thắng	20/05/2002	Nam	
4	B301	23311530	Hồ Thị Vân	Thanh	08/01/1984	Nữ	
5	B302	21901724	Nguyễn Chí	Thanh	06/05/1973	Nam	
6	B303	23903551	Trần Thị Kim	Thanh	27/10/1995	Nữ	
7	B304	20307262	Nguyễn Công	Thành	26/10/2001	Nam	
8	B305	21403134	Hoàng Thanh	Thảo	02/10/2003	Nữ	
9	B306	21404035	Huỳnh Văn	Thảo	20/11/1998	Nam	
10	B307	21605507	Lương Văn	Thảo	20/03/1969	Nam	
11	B308	23301023	Nguyễn Thị	Thảo	24/02/2005	Nữ	
12	B309	21406113	Nguyễn Thị Phương	Thảo	15/07/2003	Nữ	
13	B310	23903552	Nguyễn Thị Phương	Thảo	24/11/1992	Nữ	
14	B311	23601509	Nguyễn Thị Thu	Thảo	20/05/1992	Nữ	
15	B312	23311532	Phan Nguyễn Phương	Thảo	20/01/1989	Nữ	
16	B313	22903067	Tạ Vy	Thảo	22/09/2003	Nữ	
17	B314	23309516	Trần Đức	Thảo	01/08/1993	Nam	
18	B315	23102508	Trần Thị Thu	Thảo	03/04/1994	Nữ	
19	B316	23311533	Võ Thị Phương	Thảo	18/07/1992	Nữ	
20	B317	20305174	Trần Dương	Thế	10/08/2001	Nam	
21	B318	23104504	Nguyễn	Thị	06/11/1979	Nam	
22	B319	20307198	Nguyễn Đăng Châu	Thị	28/02/2002	Nữ	
23	B320	22903069	Nguyễn Thị Thi	Thị	20/08/2004	Nữ	
24	B321	23311560	Lê Thị Bích	Thiệp	28/06/1977	Nữ	
25	B322	21901725	Lương Thị Bích	Thìn	18/10/1976	Nữ	
26	B323	23903555	N' Jàn	Thoen	19/03/1997	Nữ	
27	B324	22903097	Ka	Thời	29/01/2004	Nữ	
28	B325	24605507	Dương Đình	Thống	20/05/1987	Nam	
29	B326	23903556	Nguyễn Thị Hoài	Thu	16/01/1994	Nữ	
30	B327	19307332	Trần Thị	Thu	22/11/1999	Nữ	
31	B328	23903557	Mo Lom	Thuận	19/09/1994	Nữ	
32	B329	22309511	Nguyễn Thị	Thuận	05/09/1998	Nữ	

Danh sách gồm 32 thí sinh.

DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ

KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 THEO KHUNG NĂNG
LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM (Ngày kiểm tra: 18/5/2025)

Phòng: 11

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Phái	Ghi chú
1	B330	21901726	Nguyễn Thị Bích	Thuận	24/04/1972	Nữ	
2	B331	23311561	Bùi Thị	Thương	23/07/1994	Nữ	
3	B332	23903560	Ka Hoài	Thương	01/01/1995	Nữ	
4	B333	22410071	Lê Nguyễn Hoài	Thương	04/11/2004	Nữ	
5	B334	23311540	Lê Thị Ngọc	Thương	28/10/1989	Nữ	
6	B335	23903561	Trần Thị	Thương	16/12/1998	Nữ	
7	B336	23311536	Nguyễn Thị Bích	Thùy	01/08/1986	Nữ	
8	B337	22901048	Hồ Diệu	Thúy	13/07/2004	Nữ	
9	B338	22903071	Mai Thị Cẩm	Thúy	11/01/2004	Nữ	
10	B339	20103145	Nguyễn Phương	Thùy	24/08/2002	Nữ	
11	B340	23901521	Nguyễn Thị Phương	Thùy	21/12/1989	Nữ	
12	B341	23903559	Ka Thị	Thùy	15/11/1995	Nữ	
13	B342	23311538	Trần Thị	Thủy	19/05/1998	Nữ	
14	B343	20403266	Nguyễn Lê Quỳnh	Tiên	17/09/2002	Nữ	
15	B344	20302030	Y Yiang Thủy	Tiên	07/11/2002	Nữ	
16	B345	21305284	Vũ Ngọc	Tiến	29/06/2003	Nam	
17	B346	21605509	Nguyễn Huy	Toàn	10/01/1978	Nam	
18	B347	23601510	Võ Thị	Toàn	15/05/1978	Nữ	
19	B348	20103057	Trần Quốc	Toàn	28/10/2002	Nam	
20	B349	24901510	Đỗ Thị	Trà	20/08/1987	Nữ	
21	B350	21305173	Thái Thanh	Trà	11/06/2003	Nữ	
22	B351	20403127	Đinh Thị Huyền	Trang	17/10/2001	Nữ	
23	B352	23301019	Đỗ Thị Đoan	Trang	19/11/2005	Nữ	
24	B353	21403149	Lê Ngọc Thùy	Trang	28/02/2003	Nữ	
25	B354	21601507	Nguyễn Thị	Trang	15/11/1977	Nữ	
26	B355	23311562	Trần Thị	Trang	14/08/1993	Nữ	
27	B356	21305288	Trần Võ Huyền	Trang	20/07/2003	Nữ	
28	B357	20305120	Lê Văn	Trí	12/12/2002	Nam	
29	B358	22412055	Đậu Thị Tuyết	Trình	02/01/2004	Nữ	
30	B359	22410082	Nguyễn Ngô Diệu	Trình	08/09/2004	Nữ	
31	B360	22406053	Nguyễn Thị	Trình	20/01/2004	Nữ	
32	B361	24901511	Phạm Thị Diễm	Trình	12/12/1994	Nữ	

Danh sách gồm 32 thí sinh.

DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ

KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 THEO KHUNG NĂNG
LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM (Ngày kiểm tra: 18/5/2025)

Phòng: 12

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Phái	Ghi chú
1	B362	22412056	Trần Thị Thu	Trình	23/11/2004	Nữ	
2	B363	21401009	Đinh Văn	Trúc	24/02/2003	Nam	
3	B364	23601511	Dương Quốc	Trường	15/07/1997	Nam	
4	B365	20103059	Nguyễn Xuân	Trường	10/10/2001	Nam	
5	B366	22410086	Trần Võ Khắc	Trường	22/07/2004	Nam	
6	B367	23403520	Trần Duy	Trường	14/06/1993	Nam	
7	B368	21901737	Nguyễn Bá	Tuân	16/10/1968	Nam	
8	B369	21103207	Lê Quốc	Tuân	20/07/1996	Nam	
9	B370	22412059	Lê Quốc	Tuân	23/08/2003	Nam	
10	B371	21411033	Nguyễn Anh	Tuấn	23/04/2003	Nam	
11	B372	24605508	Trần Anh	Tuấn	26/04/1992	Nam	
12	B373	23901533	Đào Thị Minh	Tuyền	03/03/1994	Nữ	
13	B374	23903563	Nguyễn Thị	Tuyết	10/07/1991	Nữ	
14	B375	20305122	Phan Ánh	Tuyết	10/01/2002	Nữ	
15	B376	21406141	Bùi Nhật	Uyên	19/05/2003	Nữ	
16	B377	23903564	Đinh Thị	Vân	26/03/1985	Nữ	
17	B378	22605023	Kon Sơ	Vân	01/03/2004	Nữ	
18	B379	23903574	Nguyễn Thị	Vân	28/12/1993	Nữ	
19	B380	21103109	Nguyễn Thị Diệu	Vân	27/11/2003	Nữ	
20	B381	23309519	Nguyễn Thị Thanh	Vân	23/03/1999	Nữ	
21	B382	20305248	Biện Thành	Vinh	10/10/2002	Nam	
22	B383	20307243	Trần Quang	Vinh	05/02/2002	Nam	
23	B384	22605024	Adrong H'	Vít	05/01/2003	Nữ	
24	B385	21101077	Đổng Thị Hy	Vọng	09/10/2003	Nữ	
25	B386	21305197	Nguyễn Anh	Vũ	02/02/2003	Nam	
26	B387	23901525	Nguyễn Thanh	Vũ	20/10/1974	Nam	
27	B388	23311546	Đỗ Thị Xuân	Vui	01/05/1982	Nữ	
28	B389	21305201	Nguyễn Văn Long	Xuyên	20/08/2002	Nam	
29	B390	21103118	Ngô Quang	Ý	06/03/2002	Nam	
30	B391	23311547	Trần Thị Ngọc	Ý	15/04/1996	Nữ	
31	B392	21305202	H' Phương Buôn	Yă	26/03/2003	Nữ	
32	B393	22903087	Siu H'	Yiu	10/12/2004	Nữ	

Danh sách gồm 32 thí sinh.